|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ**TỔ LỊCH SỬ – ĐỊA LÍ – GDKT&PL | **KIỂM TRA HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2023 – 2024****MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 12***Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)* |

**A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: ĐỊA LÍ 12** *(Thời gian làm bài 45 phút***,** *Học sinh được sử dụng Át lát Địa lí Việt Nam xuất bản từ năm 2009 trở lại đây)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên chủ đề | Nhận biết(40 %) | Thông hiểu(30%) | Vận dụng cấp thấp (20%) | Vận dụng cấp cao(10%) | Cộng |
| **Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa****(**Bài 9,10**)** | 3 câu - 0,75 điểm(17,5%) | 2 câu – 0,5 điểm(10%) |  | 1 câu - 0,25 điểm(2,5%) | 6 câu |
| **Thiên nhiên phân hóa đa dạng (**Bài 11,12) | 7 câu - 1,75 điểm (17,5%) | 4 câu – 1,0 điểm(10%) | 4 câu - 1,0 điểm(10%) | 2 câu - 0,5 điểm(5%) | 17 câu |
| Bài 14. **Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên** | 5 câu - 1,25 điểm (12,5%) | 3 câu - 0,75 điểm(7,5%) | 1 câu - 0,25 điểm(2,5%) | 1 câu - 0,25 điểm(2,5%) | 10 câu |
| Bài 15. **Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai** | 1 câu - 0,25 điểm(2,5%) | 3 câu - 0,75 điểm(7,5%) | 3 câu 0,75 điểm(7,5%) |  | 7 câu |
| **Tổng số** | 16 câu - 4 điểm(40%) | 12 câu - 3 điểm(30%) | 8 câu - 2 điểm20% | 4 câu - 1 điểm(10%) | Số câu:40Số điểm10 điểm |

**B. BẢN ĐẶC TẢ , MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: ĐỊA LÍ 12**

| **Tên chủ đề** | **Nội dung** | **Mức độ kiểm tra, đánh giá** | **Nhận biết****(40 %)** | **Thông hiểu****(30%)** | **Vận dụng cấp thấp (20%)** | **Vận dụng cấp cao****(10%)** | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa****(**Bài 9,10**)** | – Biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa– Ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống | **Nhận biết**– Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác.**Thông hiểu**– Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống.**Vận dụng**– Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. | 3 câu - 0,75 điểm(17,5%) | 2 câu – 0,5 điểm(10%) |  | 1 câu - 0,25 điểm(2,5%) | 6 câu |
| **Thiên nhiên phân hóa đa dạng (**Bài 11,12) | – Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên– Các miền địa lí tự nhiên– Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.**Thông hiểu**– Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao.– Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước.**Vận dụng** – Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.**Vận dụng cao**– Trình bày được báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam. | 7 câu - 1,75 điểm (17,5%) | 4 câu – 1,0 điểm(10%) | 4 câu - 1,0 điểm(10%) | 2 câu - 0,5 điểm(5%) | 17 câu |
| Bài 14. **Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên** | – Sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên– Bảo vệ môi trường | **Nhận biết**– Trình bày được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta.**Thông hiểu**- Giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta.– Chứng minh và giải thích được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam. **Vận dụng** – Nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. – Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường Việt Nam.**Vận dụng cao**– Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng tham gia vào việc sử dụng hợp lí tài nguyên hoặc bảo vệ môi trường ở địa phương. | 5 câu - 1,25 điểm (12,5%) | 3 câu - 0,75 điểm(7,5%) | 1 câu - 0,25 điểm(2,5%) | 1 câu - 0,25 điểm(2,5%) | 10 câu |
| Bài 15. **Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai** | - Bảo vệ môi trường- Một số thiên tai chủ yếu và biện pháp phòng chống | **- Nhận biết:** trình bày được nơi thường xảy ra các thiên tai chính**- Thông hiểu**: giải thích được nguyên nhân của 2 số thiên tai**- Vận dụng: -** Đọc được bản đồ về hoạt động của bão, các khu vực hạn hán - Giải pháp để giảm hậu quả của thiên tai | 1 câu - 0,25 điểm(2,5%) | 3 câu - 0,75 điểm(7,5%) | 3 câu 0,75 điểm(7,5%) |  | 7 câu |
| **Tổng số** |  |  | 16 câu - 4 điểm(40%) | 12 câu - 3 điểm(30%) | 8 câu - 2 điểm20% | 4 câu - 1 điểm(10%) | Số câu:40Số điểm10 điểm |